

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 189 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển  
năm 2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên  
Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;*

*Căn cứ Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;*

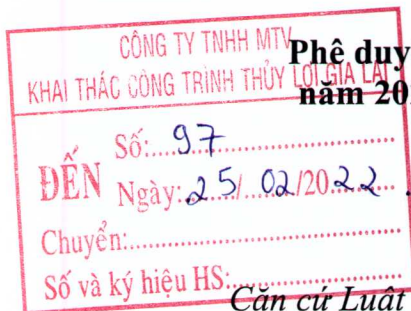
*Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;*





Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 299/STC-TH ngày 26 tháng 01 năm 2022; Biên bản làm việc của các sở, ngành 24/01/2022;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai như sau:

#### **I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

##### **1. Kế hoạch tưới, tiêu nước và cấp nước:**

##### **1.1. Tổng diện tích tưới năm 2022: 29.300,936 ha, gồm:**

- Lúa:	22.038,865 ha
- Hoa màu:	2.560,373 ha
- Mía:	101,330 ha
- Cây công nghiệp:	4.514,398 ha
- Ao nuôi thủy sản:	85,970 ha

\* Trong đó: Diện tích hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là 28.878,939 ha, gồm:

- Lúa:	22.038,865 ha
- Hoa màu:	2.557,373 ha
- Mía:	101,330 ha
- Cây công nghiệp:	4.095,401 ha
- Ao nuôi thủy sản:	85,970 ha

##### **1.2. Sản lượng nước tiêu thụ (cung cấp nước sạch): 600.000 m<sup>3</sup>**

#### **2. Kế hoạch tài chính:**

##### **2.1. Kế hoạch doanh thu: 48.477 triệu đồng, gồm:**

- \* Doanh thu hoạt động khai thác công trình thủy lợi: 36.632 triệu đồng, gồm:
- Doanh thu sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 30.595 triệu đồng.

Trong đó:

+ Doanh thu hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: 30.211 triệu đồng.

+ Doanh thu sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phải thu: 384 triệu đồng.

- Doanh thu sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác: 6.037 triệu đồng.

\* Doanh thu hoạt động cấp nước, lắp đặt hệ thống nước sinh hoạt: 4.645 triệu đồng:

- Doanh thu cấp nước sạch: 3.945 triệu đồng.

- Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước: 700 triệu đồng.

\* Doanh thu hoạt động tài chính và thu khác:

- Thu hoạt động tài chính và thu nhập khác: 300 triệu đồng.



- Thu hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: 6.900 triệu đồng.

**2.2. Kế hoạch chi: 48.477 triệu đồng, gồm:**

- Chi phí hoạt động khai thác công trình thủy lợi: 43.767 triệu đồng.

- Chi phí hoạt động cấp nước sạch, lắp đặt đồng hồ nước: 4.710 triệu đồng.

**II. Kế hoạch đầu tư phát triển (Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định từ nguồn vốn SXKD của đơn vị): 1.245 triệu đồng**

- Mua xe ô tô tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: 800 triệu đồng.

- Lắp đặt hệ thống hợp trục tuyến: 445 triệu đồng.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và có giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng nhiệm vụ hướng dẫn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai triển khai thực hiện; có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

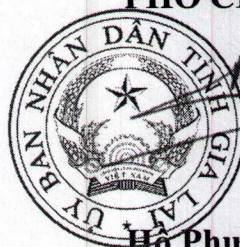
**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *[Chữ ký]*

Nơi nhận: *Ha.*

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL, CNXD, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Phước Thành**



**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA  
CÔNG TY TNHH MỸ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI GIA LAI**  
(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh Gia Lai)



Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
<b>A</b>	<b>Kế hoạch sản xuất kinh doanh</b>		
<b>I</b>	<b>Kế hoạch tưới, tiêu nước và cấp nước</b>		
1	Diện tích tưới nước	Ha	29.300,936
2	Sản lượng nước tiêu thụ (hoạt động cung cấp nước sạch)	M <sup>3</sup>	600.000
<b>II</b>	<b>Kế hoạch doanh thu</b>	<b>1.000đ</b>	<b>48.477.000</b>
<b>1</b>	<b>Hoạt động khai thác công trình thủy lợi</b>	<b>1.000đ</b>	<b>36.632.000</b>
a	Doanh thu công ích thủy lợi	1.000đ	30.595.000
b	Doanh thu thủy lợi khác	1.000đ	6.037.000
<b>2</b>	<b>Hoạt động cung cấp nước sạch</b>	<b>1.000đ</b>	<b>4.645.000</b>
a	Doanh thu cấp nước sạch	1.000đ	3.945.000
b	Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước	1.000đ	700.000
<b>3</b>	<b>Hoạt động tài chính và khác</b>	<b>1.000đ</b>	<b>7.200.000</b>
a	Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác	1.000đ	300.000
b	Doanh thu hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước	1.000đ	6.900.000
<b>III</b>	<b>Kế hoạch chi</b>	<b>1.000đ</b>	<b>48.477.000</b>
<b>1</b>	<b>Hoạt động khai thác công trình thủy lợi</b>	<b>1.000đ</b>	<b>43.767.000</b>
-	Các khoản chi liên quan đến hoạt động quản lý khai thác (tiền lương, các khoản phải nộp theo lương, tiền điện, khấu hao, bảo dưỡng công trình, phòng chống bão lụt, ứng hạn, quản lý doanh nghiệp,...)	1.000đ	33.415.000
-	Chi bảo trì, cấm mốc công trình thủy lợi	1.000đ	10.352.000
<b>2</b>	<b>Hoạt động cung cấp nước sạch</b>	<b>1.000đ</b>	<b>4.710.000</b>
a	Chi cho hoạt động cấp nước sạch	1.000đ	4.281.000
b	Chi cho hoạt động lắp đặt đồng hồ nước	1.000đ	429.000
<b>IV</b>	<b>Kế hoạch nộp ngân sách</b>	<b>1.000đ</b>	<b>900.000</b>
1	Thuế môn bài	1.000đ	12.000
2	Thuế GTGT	1.000đ	420.000
3	Thuế tài nguyên	1.000đ	188.000
4	Các khoản phí phải nộp khác	1.000đ	280.000
<b>V</b>	<b>Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ</b>	<b>1.000đ</b>	<b>37.111.000</b>
1	Cấp hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	1.000đ	30.211.000



Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
2	Cấp hỗ trợ chi phí bảo trì	1.000đ	6.900.000
3	Cấp hỗ trợ quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.000đ	
<b>VI</b>	<b>Kế hoạch lao động</b>	<b>Người</b>	<b>314</b>
1	Người quản lý	Người	6
2	Người lao động	Người	308
-	Phục vụ hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi	Người	283
-	Phục vụ hoạt động cung cấp nước sạch	Người	25
<b>B</b>	<b>Kế hoạch đầu tư phát triển</b>	<b>1.000đ</b>	<b>1.245.000</b>
1	Mua 01 xe ô tô tải phục vụ công tác	1.000đ	800.000
2	Lắp đặt hệ thống họp trực tuyến	1.000đ	445.000